

Số: 28/2016/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Gia Lai quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHOÁ XI, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định 04/2016/NĐ-CP ngày 06/01/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính Quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình 5282/TTr-UBND ngày 16/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà

nước thuộc tỉnh Gia Lai quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Gia Lai quản lý.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 28/6/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X, Kỳ họp thứ Nhất về việc thông qua quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Gia Lai quản lý; Nghị quyết số 110/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa X, Kỳ họp thứ 8 về sửa đổi, bổ sung quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016. /

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VP Quốc hội; VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Các VP : Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh và UBND tỉnh (đăng công báo);
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ và CV Phòng Tổng hợp;
- Báo GL; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.



CHỦ TỊCH

Dương Văn Trang

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc tỉnh Gia Lai quản lý**

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) và đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh quản lý gồm:

- Trụ sở làm việc và các tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất).
- Quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị.
- Phương tiện vận chuyển: Ô tô, mô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển,
- Máy móc thiết bị, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác do pháp luật quy định.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp phù hợp với quy định về phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước, đáp ứng với tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện nay của tỉnh.

2. Tài sản nhà nước được đầu tư, trang bị, mua sắm từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả. Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện công khai,

minh bạch; sử dụng đúng mục đích; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước để tạo điều kiện và nâng cao năng lực quản lý cho các cơ quan, đơn vị; đồng thời tăng cường công tác giám sát, hướng dẫn, kiểm tra của các cấp, các ngành cũng như các cơ quan, đơn vị về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành; thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định mua sắm tài sản nhà nước là: Ô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm tài sản nhà nước có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên trên một gói mua sắm từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành, không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn:

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm, lựa chọn hình thức mua sắm tài sản nhà nước cho phù hợp và hiệu quả tài sản từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành, không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản nhà nước có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một gói mua sắm từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, đúng tiêu chuẩn, định mức và các quy định hiện hành, không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản nhà nước là trụ sở làm việc gắn liền với đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư và các văn bản liên quan.

5. Đối với các tài sản nhà nước thuộc danh mục mua sắm tập trung, thực hiện theo các quy định hiện hành về mua sắm tài sản tập trung.

6. Đối với tài sản, hàng hoá có yêu cầu kỹ thuật cao, trang bị đồng bộ, hiện đại, phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh trở lên có liên quan trước khi quyết định mua sắm.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản nhà nước

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thuê trụ sở làm việc, xe ô tô, xe mô tô, tàu, thuyền, xuồng, các phương tiện vận chuyển và tài sản khác của cơ quan và đơn vị trực thuộc quản lý từ nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với tiêu chuẩn định mức và đúng các quy định hiện hành.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản nhà nước là: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô) trang bị cho các cơ quan, đơn vị nhưng sử dụng không đúng mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức, chế độ hoặc quyết định mua sắm không đúng thẩm quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đối với các loại tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý và tài sản nhà nước của đơn vị trực thuộc quản lý không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các loại tài sản nhà nước là: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô) của các cơ quan, đơn vị.

2. Giám đốc Sở Tài chính

Quyết định điều chuyển đối với các loại tài sản nhà nước giữa các Sở, Ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố không thuộc quy định tại Khoản 1 điều này.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định điều chuyển đối với các loại tài sản nhà nước trong phạm vi nội bộ cơ quan, đơn vị trực thuộc không thuộc quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các loại tài sản nhà nước là: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô) trang bị cho các cơ quan, đơn vị.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định bán tài sản nhà nước đối với những tài sản là nhà cửa, tài sản khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, thực hiện quy hoạch,

các trường hợp khác theo quy định của pháp luật; xe máy; thuyền, xuồng và phương tiện vận chuyển khác không có động cơ; máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác không thuộc quy định tại Khoản 1 điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định thanh lý các loại tài sản nhà nước là: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô).

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý các loại tài sản nhà nước đối với những tài sản là nhà cửa, tài sản khác (không bao gồm quyền sử dụng đất) phải phá dỡ theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, thực hiện quy hoạch, các trường hợp khác theo quy định của pháp luật; xe mô tô; thuyền, xuồng và phương tiện vận chuyển khác không có động cơ; máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác không thuộc quy định tại Khoản 1 điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm tài sản thì quyết định tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 11. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính, thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính:

a) Việc mua sắm tài sản là Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác có động cơ (trừ xe mô tô) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Việc mua trang thiết bị chuyên ngành; phương tiện vận chuyển khác không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; các tài sản khác: Căn cứ vào dự toán được giao hàng năm từ nguồn kinh phí thường xuyên và kế hoạch mua sắm từ nguồn phát triển hoạt động sự nghiệp, Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức theo đúng chế độ quy định và chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định của Bộ Tài chính và các văn bản có liên quan.

Đối với tài sản, hàng hoá có yêu cầu kỹ thuật cao, trang bị đồng bộ, hiện đại, phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh trở lên có liên quan trước khi quyết định mua sắm.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản nhà nước

Việc thu hồi, điều chuyển tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

Việc bán tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

Việc thanh lý tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định việc sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê

Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả việc sử dụng tài sản nhà nước dùng vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê đối với tài sản thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

Điều 16. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản nhà nước

Thẩm quyền tiêu hủy tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Điều 17. Thẩm quyền thuê tài sản

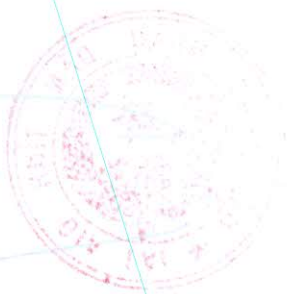
Thẩm quyền thuê tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định này. 

CHỦ TỊCH




Dương Văn Trang

Điểm 12. Trường hợp...
Điểm 13. Trường hợp...
Điểm 14. Trường hợp...
Điểm 15. Trường hợp...
Điểm 16. Trường hợp...
Điểm 17. Trường hợp...
Điểm 18. Trường hợp...
Điểm 19. Trường hợp...
Điểm 20. Trường hợp...
Điểm 21. Trường hợp...
Điểm 22. Trường hợp...
Điểm 23. Trường hợp...
Điểm 24. Trường hợp...
Điểm 25. Trường hợp...
Điểm 26. Trường hợp...
Điểm 27. Trường hợp...
Điểm 28. Trường hợp...
Điểm 29. Trường hợp...
Điểm 30. Trường hợp...
Điểm 31. Trường hợp...
Điểm 32. Trường hợp...
Điểm 33. Trường hợp...
Điểm 34. Trường hợp...
Điểm 35. Trường hợp...
Điểm 36. Trường hợp...
Điểm 37. Trường hợp...
Điểm 38. Trường hợp...
Điểm 39. Trường hợp...
Điểm 40. Trường hợp...
Điểm 41. Trường hợp...
Điểm 42. Trường hợp...
Điểm 43. Trường hợp...
Điểm 44. Trường hợp...
Điểm 45. Trường hợp...
Điểm 46. Trường hợp...
Điểm 47. Trường hợp...
Điểm 48. Trường hợp...
Điểm 49. Trường hợp...
Điểm 50. Trường hợp...
Điểm 51. Trường hợp...
Điểm 52. Trường hợp...
Điểm 53. Trường hợp...
Điểm 54. Trường hợp...
Điểm 55. Trường hợp...
Điểm 56. Trường hợp...
Điểm 57. Trường hợp...
Điểm 58. Trường hợp...
Điểm 59. Trường hợp...
Điểm 60. Trường hợp...
Điểm 61. Trường hợp...
Điểm 62. Trường hợp...
Điểm 63. Trường hợp...
Điểm 64. Trường hợp...
Điểm 65. Trường hợp...
Điểm 66. Trường hợp...
Điểm 67. Trường hợp...
Điểm 68. Trường hợp...
Điểm 69. Trường hợp...
Điểm 70. Trường hợp...
Điểm 71. Trường hợp...
Điểm 72. Trường hợp...
Điểm 73. Trường hợp...
Điểm 74. Trường hợp...
Điểm 75. Trường hợp...
Điểm 76. Trường hợp...
Điểm 77. Trường hợp...
Điểm 78. Trường hợp...
Điểm 79. Trường hợp...
Điểm 80. Trường hợp...
Điểm 81. Trường hợp...
Điểm 82. Trường hợp...
Điểm 83. Trường hợp...
Điểm 84. Trường hợp...
Điểm 85. Trường hợp...
Điểm 86. Trường hợp...
Điểm 87. Trường hợp...
Điểm 88. Trường hợp...
Điểm 89. Trường hợp...
Điểm 90. Trường hợp...
Điểm 91. Trường hợp...
Điểm 92. Trường hợp...
Điểm 93. Trường hợp...
Điểm 94. Trường hợp...
Điểm 95. Trường hợp...
Điểm 96. Trường hợp...
Điểm 97. Trường hợp...
Điểm 98. Trường hợp...
Điểm 99. Trường hợp...
Điểm 100. Trường hợp...



12/12/2018
12/12/2018